

KẾ HOẠCH

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm
giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Kế hoạch số 183/KH-BCA-VP ngày 28/3/2025 của Bộ Công an về tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030, theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 1897/TTr-CAT-TM(CS) ngày 06/4/2025; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Đánh giá đúng thực trạng tình hình, kết quả triển khai, thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm; những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

2. Thông qua việc tổng kết rút ra những vấn đề lý luận và thực tiễn làm cơ sở phục vụ nghiên cứu, tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

3. Việc tổ chức tổng kết được tiến hành từ cơ sở, bám sát thực tiễn tình hình, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng thời gian quy định.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Nội dung tổng kết

Tổ chức tổng kết thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm; Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030; tập trung kiểm điểm, đánh giá toàn diện việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nội dung của Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm, nhất là các chương trình phòng, chống tội phạm, cụ thể:

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và thực trạng tình hình tội phạm tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm.

1.2. Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm. Việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm; vai trò của người đứng đầu, thủ trưởng cơ quan đơn vị, vai trò tham mưu, nòng cốt của lực lượng Công an trong thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương vi phạm pháp luật hoặc để xảy ra tình hình tội phạm phức tạp, kéo dài, hoạt động lộng hành hoặc bao che tội phạm.

1.4. Kết quả công tác phòng ngừa tội phạm: Tập trung kiểm điểm, đánh giá kết quả công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm cả về hình thức, nội dung, biện pháp; sự tham gia của các cấp, các ngành trong phòng, chống tội phạm; kết quả thực hiện các Chương trình hành động, Quy chế phối hợp trong phòng, chống tội phạm; công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại địa bàn cơ sở; đánh giá những cách làm hay, mô hình phòng, chống tội phạm hoạt động lâu dài, hiệu quả trong công tác phòng ngừa tội phạm...; phát hiện, giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

1.5. Kết quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng ngừa tội phạm: Công tác quản lý cư trú, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý người nước ngoài, quản lý đối tượng tại địa bàn cơ sở; việc áp dụng các biện pháp đưa người đi cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng; công tác quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng...

1.6. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm: Tập trung đánh giá số văn bản pháp luật đã ban hành mới, số văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, góp phần giải quyết vướng mắc về pháp luật trong phòng, chống tội phạm.

1.7. Công tác tấn công, trấn áp tội phạm: Tập trung đánh giá cụ thể kết quả phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm (*xâm phạm an ninh quốc gia, hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường, tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, các loại tội phạm nổi lên...*); công tác bắt truy nã; công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

1.8. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm (*kể cả nguồn kinh phí Trung ương cấp và kinh phí địa phương hỗ trợ thực hiện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác*).

1.9. Công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm.

1.10. Những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, khó khăn, nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*) và bài học kinh nghiệm.

1.11. Dự báo tình hình và dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm công tác phòng, chống tội phạm trong thời gian tới; kiến nghị, đề xuất.

2. Phương pháp, thời gian

2.1. Phương pháp tổng kết

- Ở địa phương: Việc tổng kết được tiến hành từ cơ sở (*không tổ chức hội nghị tổng kết*).

- Ở cấp tỉnh: Tổ chức Hội nghị tổng kết (*theo tình hình thực tế*).

2.2. Thời gian tổng kết: Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 01/6/2025 (có Đề cương báo cáo kèm theo); lưu ý đánh giá so sánh giai đoạn 2 (từ ngày 15/12/2020 đến ngày 01/6/2025) với giai đoạn 1 (từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và yêu cầu các sở, ban ngành, hội, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Báo cáo tổng kết gửi về Công an tỉnh (qua Phòng Tham mưu) **trước ngày 10/6/2025** để tổng hợp, báo cáo.

2. Công an tỉnh

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này. Tổng hợp kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong tham mưu, thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh): Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong tham mưu, thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

4. Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện Kế hoạch được cân đối, bố trí trong nguồn kinh phí thường xuyên hằng năm UBND tỉnh cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công an;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan: Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Báo Quảng Ngãi; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC (Long 249)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng,
chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030
(Kèm theo Kế hoạch số **79** /KH-UBND ngày **11** /4/2025 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu khái quát đặc điểm tình hình đơn vị, địa phương có liên quan; tình hình tội phạm giai đoạn 2016 - 2025.

1. Tình hình chung: Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội và những vấn đề có liên quan tại địa phương có ảnh hưởng, tác động đến công tác phòng, chống tội phạm.

2. Tình hình tội phạm: Đặc điểm, diễn biến tình hình tội phạm tại địa phương. Số liệu thống kê có phân tích, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm (từ ngày 15/6/2016 đến ngày 01/6/2025). Phân tích, đánh giá số liệu so sánh **giai đoạn 2** (từ ngày 15/12/2020 đến ngày 01/6/2025) với **giai đoạn 1** (từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020) đối với tổng số tội phạm và phân tích, đánh giá đối với nhóm tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia; đối với từng loại tội phạm xâm phạm trật tự xã hội; tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; tội phạm về ma túy; tội phạm mua bán người; tội phạm sử dụng công nghệ cao, lợi dụng không gian mạng để hoạt động phạm tội...

Khái quát những vấn đề nổi lên về tình hình tội phạm trong giai đoạn; nguyên nhân của tình hình tội phạm (có số liệu về số vụ phạm tội do mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân; số vụ phạm tội có tổ chức, do băng nhóm gây án; tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm xuyên quốc gia; tội phạm trên không gian mạng); sự dịch chuyển của tội phạm từ truyền thống sang sử dụng công nghệ cao để phạm tội.

II. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Kiểm điểm, đánh giá vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ đạo quản lý, điều hành của thủ trưởng các cấp, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trong công tác phòng, chống tội phạm:

1. Công tác tổ chức quán triệt, ban hành các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động để chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm, trọng tâm là: Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị

số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 615/KH-UBND ngày 08/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư và Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

2. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, MỤC TIÊU NÊU TRONG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM

1. Công tác lãnh đạo chỉ đạo, triển khai thực hiện, tập trung đánh giá các nội dung:

(1) Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 07/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Chương trình thực hiện Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 27/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 27/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tổ chức đánh bạc và đánh bạc trên địa bàn tỉnh...

(2) Kết quả thực hiện các kế hoạch, chuyên đề nổi về phòng, chống tội phạm như: ⁽¹⁾Kế hoạch số 03/KH-BCĐ138 ngày 28/3/2022 của Ban Chỉ đạo 138 tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; ⁽²⁾Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp phòng ngừa tội phạm giết người; ⁽³⁾Công tác quản lý đối tượng có nguy cơ phạm tội, tái phạm tội ở địa bàn cơ sở; ⁽⁴⁾Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia; các loại “tội phạm đường phố”, băng nhóm thanh, thiếu niên tụ tập gây mất an ninh, trật tự; tội phạm xâm hại phụ nữ, trẻ em; tội phạm có yếu tố nước ngoài...

Tập trung đánh giá các chủ trương, giải pháp của sở, ngành, địa phương thực hiện công tác phòng, chống tội phạm; những cách làm chủ động, sáng tạo.

2. Công tác phòng ngừa tội phạm (thống kê số liệu trong kỳ báo cáo, có so sánh tăng/giảm giai đoạn 2 so với giai đoạn 1 thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm)

(1) Kết quả thực hiện các giải pháp đảm bảo an sinh xã hội, an dân, ổn định và nâng cao đời sống Nhân dân, đặc biệt là các vấn đề xã hội là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; phòng ngừa việc lợi dụng chủ trương, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội để vi phạm pháp luật, phạm tội.

(2) Đánh giá công tác phòng ngừa tội phạm theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; công tác quản lý nhà nước, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công, phòng ngừa không để tội phạm có cơ hội lợi dụng hoạt động.

(3) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm; phối hợp đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

(4) Công tác hòa giải cơ sở, giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ở địa bàn cơ sở.

(5) Công tác phòng ngừa người sử dụng ma túy tổng hợp có biểu hiện loạn thần, “ngáo đá” và người mắc bệnh tâm thần thực hiện hành vi phạm tội.

(6) Công tác quản lý đối tượng có nguy cơ phạm tội, tái phạm tội ở địa bàn cơ sở hiện nay.

(7) Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Công tác khai thác hệ thống các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu căn cước để chuyển đổi phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài. Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng ngừa tội phạm. Công tác quản lý, giáo dục cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với người phạm tội, vi phạm pháp luật.

(8) Công tác lập hồ sơ giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa đối tượng đi cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phòng, chống tội phạm.

- Kết quả công tác nắm, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình, kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp các chủ trương, chính sách, giải pháp trước mắt và lâu dài, bảo đảm an ninh, trật tự phù hợp thực tiễn công tác phòng, chống tội phạm.

- Kết quả xây dựng, ban hành và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm theo chức năng.

4. Công tác đấu tranh chống tội phạm (thống kê, phân tích số liệu từ ngày 15/12/2016 đến ngày 01/6/2025 và so sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1).

Báo cáo, đánh giá cụ thể việc điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm theo các lĩnh vực (xâm phạm an ninh quốc gia, hình sự, kinh tế, tham nhũng,

buôn lậu, ma túy, môi trường, công nghệ cao, mua bán người); công tác bắt, thanh loại, vận động đầu thú các đối tượng truy nã.

5. Công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm.

6. Việc hỗ trợ nguồn lực, kinh phí phòng, chống tội phạm của cơ quan, tổ chức, địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân khách quan, chủ quan.

2.2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân khách quan, chủ quan.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

TRỌNG TÂM CẦN CHỈ ĐẠO TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM

- Những vấn đề thách thức đặt ra đối với công tác phòng, chống tội phạm trong kỷ nguyên mới của đất nước và dự báo tình hình tội phạm trong thời gian tới, kỷ nguyên mới của đất nước.

- Một số nhiệm vụ trọng tâm, đột phá cần chỉ đạo trong thời kỳ tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (*cấp tỉnh và cấp xã*).

- Một số giải pháp trọng tâm, đột phá cần chỉ đạo, thực hiện trong thời kỳ tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (*cấp tỉnh và cấp xã*).

Phần thứ ba

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT NÂNG CAO HƠN NỮA HIỆU LỰC,

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM

Kiến nghị, đề xuất mang tính đột phá đối với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, các ban đảng, đảng ủy, tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, chính quyền địa phương về phương hướng, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm trong thời gian tới, kỷ nguyên mới của đất nước./.

Phụ lục

THÔNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM

(Kèm theo Kế hoạch số: **79** /KH-UBND ngày **11/4** /2025 của UBND tỉnh)



STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
1. Tình hình, kết quả công tác đấu tranh chống tội phạm					
1	Số lượt khiếu kiện				
	Số lượt người tham gia khiếu kiện				
	Số vụ việc liên quan đến khiếu kiện				
2	Số vụ phạm tội an ninh quốc gia				
	Số vụ phát hiện				
	Số vụ khám phá				
	Số đối tượng phạm tội bị bắt giữ, xử lý				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
3	Số vụ phạm tội về trật tự xã hội				
	Số vụ phát hiện				
	Số vụ khám phá				
	Số đối tượng phạm tội bị bắt giữ, xử lý				
	Số người chết trong các vụ phạm tội				
	Số người bị thương trong các vụ phạm tội				
	Thiệt hại (tỷ đồng)				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
4	Số vụ đối tượng sử dụng vũ khí “nóng”				
5	Số vụ phạm tội có tổ chức				
6	Số băng, nhóm tội phạm bị triệt phá				
7	Số vụ hiếp dâm				
	Số vụ mà nạn nhân là người dưới 16 tuổi				
8	Số vụ cưỡng dâm người từ 13-16 tuổi				
	Số đối tượng cưỡng dâm người từ 13-16 tuổi				
9	Số vụ giao cấu với người từ 13-16 tuổi				
	Số đối tượng giao cấu với người từ 13-16 tuổi				
10	Số vụ dâm ô với người dưới 16 tuổi				
	Số đối tượng dâm ô với người dưới 16 tuổi				
11	Số vụ xâm hại trẻ em				
	Số đối tượng xâm hại trẻ em				
12	Số vụ lừa đảo, chiếm đoạt tài sản				
	Số đối tượng lừa đảo, chiếm đoạt tài sản				
13	Số vụ gây rối trật tự công cộng				
	Số đối tượng gây rối trật tự công cộng				
14	Số vụ giết người				
	Số đối tượng giết người				
	Số vụ giết người mà nạn nhân là người thân				
15	Số đối tượng giết người mà nạn nhân là người thân				
	Số vụ mua bán người				
16	Số đối tượng mua bán người				
	Số vụ cướp tài sản				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
17	Số đối tượng cướp tài sản				
	Số vụ cưỡng đoạt tài sản				
18	Số đối tượng cưỡng đoạt tài sản				
	Số vụ cướp giết tài sản				
19	Số đối tượng cướp giết tài sản				
	Số vụ trộm cắp tài sản				
20	Số đối tượng trộm cắp tài sản				
	Số vụ hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản				
21	Số đối tượng hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản				
	Số vụ chứa mại dâm				
22	Số đối tượng chứa mại dâm				
	Số vụ môi giới mại dâm				
23	Số đối tượng môi giới mại dâm				
	Số vụ đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc				
	Số đối tượng đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc				
24	Số vụ đánh bạc trên mạng Internet				
	Số vụ chống người thi hành công vụ				
	Số đối tượng chống người thi hành công vụ				
	Số vụ chống lực lượng Công an thi hành công vụ				
	Số đối tượng chống lực lượng Công an thi hành công vụ				
25	Số đối tượng truy nã đã vận động ra đầu thú, thanh loại				
	Số đối tượng truy nã bị bắt				
	Số đối tượng truy nã phát sinh				
	Số đối tượng truy nã hiện còn				
	Số đối tượng truy nã nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm hiện còn				
26	Số vụ phạm tội về trật tự, quản lý kinh tế				
	Số vụ phát hiện				
	Số cá nhân bị phát hiện				
	Số tổ chức bị phát hiện				
	Tài sản thu hồi (tỷ đồng)				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
	Số vụ sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm				
	Số vụ sản xuất, buôn bán hàng giả				
	Số vụ trốn thuế				
	Số vụ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự				
	Số vụ vi phạm các quy định về quản lý đất đai				
	Số vụ vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản				
	Số vụ phạm tội về tham nhũng, chức vụ				
	Số vụ phát hiện				
	Số đối tượng phạm tội về tham nhũng, chức vụ				
	Tài sản thu hồi là tiền mặt (tỷ đồng)				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
27	Số vụ tham ô tài sản				
	Số đối tượng tham ô tài sản				
	Số vụ nhận hối lộ				
	Số đối tượng nhận hối lộ				
	Số vụ lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản				
	Số đối tượng lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản				
	Số vụ lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ				
	Số đối tượng lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ				
28	Số vụ phạm tội về môi trường, an toàn thực phẩm				
	Số vụ phát hiện				
	Số cá nhân bị phát hiện				
	Số tổ chức bị phát hiện				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
	Số vụ xử phạt hành chính				
	Số tiền xử phạt (tỷ đồng)				
	Số vụ khai thác khoáng sản trái phép				
	Số vụ gây ô nhiễm môi trường				
	Số vụ hủy hoại rừng				
	Số vụ vi phạm về quản lý chất thải nguy hại				
	Số vụ vi phạm quy định về an toàn thực phẩm				
29	Số vụ phạm tội lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông				
	Số vụ phát hiện				
	Số đối tượng phạm tội				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
30	Số vụ lợi dụng cao nghệ cao, không gian mạng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản				
	Số đối tượng lợi dụng công nghệ cao, không gian mạng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản				
	Số vụ xử lý hành chính				
	Số tiền xử lý hành chính (tỷ đồng)				
31	Số vụ phạm tội về ma túy				
	Số vụ phát hiện				
	Số đối tượng bị phát hiện				
	Số heroin thu giữ (kg)				
	Số ma túy tổng hợp dạng tinh thể thu giữ (kg)				
	Số ma túy tổng hợp dạng viên thu giữ (viên)				
	Số thuốc phiện thu giữ (kg)				
	Số cần sa thu giữ (kg)				
32	Số vụ phạm tội có tổ chức				
	Số đối tượng phạm tội có tổ chức				
33	Số vụ phạm tội xuyên quốc gia				
	Số đối tượng phạm tội xuyên quốc gia				
34	Số vụ phạm tội có yếu tố nước ngoài				
	Số đối tượng phạm tội có yếu tố nước ngoài				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
35	Số vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp				
	Số đối tượng phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp				
36	Số vụ phạm tội liên quan đến hoạt động "tín dụng đen"				
	Số đối tượng phạm tội liên quan đến hoạt động "tín dụng đen"				

2. Công tác điều tra, xử lý tội phạm

1	- Tổng số tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố phải giải quyết				
	Trong đó: + Số mới nhận				
	+ Số phục hồi				
	+ Số còn tồn của kỳ trước				
	- Tổng số tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố đã giải quyết				
	Trong đó: + Số đã khởi tố				
	+ Số không khởi tố				
	+ Số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết				
	- Số cuối kỳ đang trong thời hạn giải quyết				
	- Số quá hạn giải quyết				
	Tổng số vụ án đã thụ lý				
	Tổng số bị can đã thụ lý				
	Số vụ án khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
	Số vụ cơ quan điều tra đề nghị truy tố				
2	Số vụ VKS hủy quyết định khởi tố của CQĐT				
	Số bị can VKS hủy quyết định khởi tố của CQĐT				
3	Số vụ VKS hủy quyết định không khởi tố của CQĐT				
4	Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định khởi tố				
	Số vụ CQĐT đã hủy bỏ				
5	Số vụ án CQĐT trong Công an nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền				
6	Số vụ án CQĐT trong Quân đội nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền				
7	Số vụ án CQĐT Viện kiểm sát nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền				
8	Số vụ án CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS				
	Số bị can CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS				
9	Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp				
10	Số người VKS hủy quyết định tạm giữ				
	Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ				
	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam				
	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam				
	Số bị can VKS không gia hạn tạm giam				
	Số người VKS yêu cầu CQĐT bắt để tạm giam				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
	- Trong đó CQĐT đã bắt theo yêu cầu				
11	Số vụ CQĐT tạm đình chỉ điều tra				
	Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra				
	Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ				
	Số bị can VKS hủy quyết định tạm đình chỉ				
	Số vụ án tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ				
	Số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ				
12	Số vụ án CQĐT đình chỉ điều tra				
	Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra				
	Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ				
	Số bị can VKS hủy quyết định đình chỉ				
	Số bị can bị đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc do hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm				
	Số bị can được miễn trách nhiệm hình sự				
3. Công tác xây dựng mô hình phòng, chống tội phạm; giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân					
1	Tổng số mô hình đã xây dựng				
	Tổng số mô hình hoạt động hiệu quả				
	Tổng số mô hình đã thanh loại				
2	Tổng số các vụ việc mâu thuẫn kéo dài trong nội bộ nhân dân				
	Tổng số người liên quan				
	Tổng số vụ việc đã giải quyết ổn định				
	Tổng số vụ việc còn đang giải quyết				
	Tổng số vụ việc đã giải quyết nhưng chưa triệt để (tiếp tục phát sinh mâu thuẫn cần giải quyết)				
4. Quyết định đưa đối tượng đi Cơ sở giáo dục bắt buộc, Trường giáo dưỡng, Cơ sở cai nghiện bắt buộc; số đối tượng tái phạm tội					
1	Tổng số đối tượng đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc				
2	Tổng số đối tượng đưa đi trường giáo dưỡng				
3	Tổng số đối tượng đưa đi cai nghiện bắt buộc				
4	Tổng số đối tượng tái phạm tội				